

Bản án số: 67/2025/KDTM-ST;
Ngày: 18/6/2025.
V/v tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị Nga.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 205/2024/TLST - KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 634/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 789/2025/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty cổ phần C2.

Địa chỉ: Số A G, phường K, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Duy P.

Địa chỉ chi nhánh: 1 T, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Công ty TNHH X.

Địa chỉ trụ sở: 200/20/17 Nguyễn Thị B, Khu phố D, phường H, Quận A.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Sỹ O**, sinh năm: 1964.
Địa chỉ: F P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Công ty Cổ phần Đ.**
Địa chỉ: 8 B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Lê Nguyên V.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Hà G.
(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đại diện nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là và Tổng Công ty Cổ phần C2 (sau đây gọi tắt là VCC) đã ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC ngày 26/02/2023 và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC-PL01 ngày 15/3/2023 về việc thi công công trình Nhà ở C 01 và Tesla 02 tại Dự án Đô thị Sinh thái Văn hóa Cà phê S. Tổng giá trị Hợp đồng là 47.309.953.044 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên như sau:

Tổng giá trị hợp đồng: 47.309.953.044 đồng.

Giá trị nghiệm thu tính đến ngày 01/7/2024: 28.275.887.203 đồng;

Tổng số tiền VCC đã tạm ứng, thanh toán cho bị đơn tính đến ngày 01/7/2024: 31.036.134.320 đồng.

Giá trị tạm ứng là: 6.570.826.812 đồng.

Tiền thanh toán khối lượng hoàn thành là 24.465.307.508 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty X đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ theo quy định, cụ thể: Chậm tiến độ nhiều ngày kéo dài, không đảm bảo đủ số lượng nhân sự trên công trường, vi phạm quy định về an toàn lao động. VCC đã nhiều lần nhắc nhở và gửi công văn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời chịu phạt vi phạm theo thỏa thuận. Tuy nhiên bị đơn vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công và uy tín của VCC với đối tác.

Các chứng cứ chứng minh cho việc vi phạm của bị đơn bao gồm:

Căn cứ quyết định số 09062301/QĐ-CNCTVT.HCM ngày 09/6/2023 về việc xử lý sai phạm công trường. Theo đó bên bị đơn vi phạm cam kết nhân lực an toàn

vệ sinh lao động và vi phạm chất lượng công trình. Trong Quyết định dựa trên căn cứ là các biên bản hiện trường số 26 ngày 01/6/2023, 27 ngày 02/6/2023, 28 ngày 03/6/2023, 29 ngày 05/6/2023, 30 ngày 06/6/2023, 31 ngày 08/6/2023, 32 ngày 09/6/2023. Các biên bản này được lập giữa Chỉ huy trưởng công trình của nguyên đơn và bị đơn.

Căn cứ Biên bản họp số VCC/TN/BBH/01 ngày 31/5/2023 về việc giải quyết các tồn tại và cảnh báo tiến độ an toàn lao động chất lượng thi công.

Căn cứ vào Quyết định xử lý sai phạm công trường số 12062301/QĐ-CNCTVT.HCM ngày 12/6/2023 trong đó có ghi rõ nội dung vi phạm an toàn lao động và chất lượng công trình của bên bị đơn. Quyết định này dựa trên các biên bản hiện trường ngày 10/6/2023 và 11/6/2023, căn cứ vào Biên bản họp số VCC/TN/BBH/01 ngày 31/5/2023 về việc giải quyết các tồn tại và cảnh báo tiến độ an toàn lao động chất lượng thi công.

Căn cứ vào Công văn số 201201/CV-CNCTHCM ngày 20/12/2023 về việc phạt vi phạm an toàn lao động chất lượng thi công xây dựng do nguyên đơn phát hành gửi cho bên bị đơn (đã nhận). Nội dung của công văn này căn cứ vào công văn số 178/2023/CV-ĐTTN ngày 17/8/2023 của Công ty cổ phần Đ về việc đề nghị thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo tiến độ thi công của dự án. Công ty cổ phần Đ là chủ đầu tư của dự án mà bị đơn và nguyên đơn đang tham gia.

Căn cứ vào công văn số 02/2023/CV-ĐTTN/BQLCTXD ngày 07/12/2023 của Công ty cổ phần Đ về việc phạt vi phạm an toàn lao động, chất lượng thi công xây dựng theo Hợp đồng số thi công xây dựng công trình và căn cứ vào báo cáo, đề xuất của chủ đầu tư công trình dự án đô thị sinh thái văn hóa cà phê S.

Căn cứ vào Công văn số 190501/CNCTHCM-XD ngày 19/5/2024 của nguyên đơn về việc đề nghị bị đơn hoàn thành bàn giao nhà theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC. Công văn này căn cứ vào Hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/Thành phố H ngày 26/02/2023 giữa Chi nhánh công trình V2 - Tổng Công ty cổ phần C2 và Công ty TNHH X. Căn cứ Công văn số 178/2023/CV-ĐTTN ngày 17/8/2023 về việc đề nghị thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo tiến độ thi công dự án; Căn cứ Công văn số TN.GĐ3-VCC/CV/001/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/002/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/003/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/004/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/005/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/006/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/007/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/008/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/009/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/010/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/011/2023; TN.GĐ3-VCC/CV/012/2023; Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 200301/BBLV/VCC-THC ngày 20/3/2024 giữa C3 và Công ty X;

Căn cứ vào cam kết thi công bàn giao toàn bộ công trình vào ngày 30/4/2024 của Công ty X; Căn cứ vào các biên bản danh mục vi phạm chất lượng tiến độ an toàn lao động.

Căn cứ vào công văn số 041001/QĐ-CNCTVT.HCM ngày 04/10/2024 của nguyên đơn nội dung công văn căn cứ vào hợp đồng thi công xây dựng công trình số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC giữa nguyên đơn và bị đơn về việc thi công công trình nhà ở C và Tesla 02 tại Dự án Đô thị Sinh thái Văn hóa cà phê S; Căn cứ vào mục 02 thuộc mục B – nhân công thi công thuộc danh mục các vi phạm hướng dẫn an toàn về việc vi phạm cam kết về nhân lực thi công. Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 00 đến 04 (từ ngày 27/3/2023 đến ngày 31/3/2023).

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 00 đến 04 (từ ngày 27/3/2023 đến ngày 31/3/2023);

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 05 đến 14 (từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/4/2023);

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 15 đến 25 (từ ngày 04/5/2023 đến ngày 30/5/2023);

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 36 đến 45 (từ ngày 13/6/2023 đến ngày 30/6/2023);

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 46 đến 63 (từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/7/2023);

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 64 đến 79 (từ ngày 03/8/2023 đến ngày 31/8/2023);

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 80, 83, 93 (từ ngày 04/9/2023, 08/9/2023, 30/9/2023);

Căn cứ vào các biên bản hiện trường số 102 đến 108 (từ ngày 18/4/2024 đến ngày 24/4/2023);

Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải bồi thường cho bên nguyên đơn số tiền 1.984.200.000 (một tỷ, chín trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm nghìn) đồng do vi phạm hợp đồng.

****Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ:***

Công ty X là nhà thầu phụ thi công công trình gói thầu xây lắp thuộc dự án thi công xây dựng đại trà nhà ở liên kế Tesla và C thuộc Dự án Đô thị Sinh thái Văn hóa Cà phê S tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Địa điểm: Phường T, thành phố

B, tỉnh Đắk Lắk). Ngày 26/02/2023, hai bên cùng ký kết hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-TH. Hạng mục: Làm mới xây dựng phần thô. Theo bản vẽ thi công đính kèm. Căn cứ theo hợp đồng sau khi công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng, khối lượng thực tế thực hiện được hai bên xác nhận làm căn cứ giá trị quyết toán. Theo đơn khởi kiện, yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ là: 1,984,200,000 đồng. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy xác nhận yêu cầu thanh toán, xác nhận theo hợp đồng, xác nhận theo giá trị nghiệm thu thực tế thực hiện có nội dung khác nhau. Theo hợp đồng: 47,309,953,044 đồng; Giá trị nghiệm thu đến ngày 01/07/2024: 28,275,887,203 đồng. Theo số liệu này đã không đúng theo hợp đồng và theo thực tế thực hiện; căn cứ theo hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC và biên bản xác nhận ngày 20/3/2024 số liệu như sau: Theo hợp đồng: 57,185,880,794 đồng (Chưa bao gồm Thuế VAT). Giá trị nghiệm thu đến ngày 20/03/2024: 35,695,440,348 đồng (Bao gồm Vật tư sắt thép, cát đá, xi măng...). Giá trị nghiệm thu đến ngày 01/07/2024: 28,275,887,203 đồng không có xác nhận giữa hai bên để làm cơ sở quyết toán hợp đồng số liệu tự xưng, tự đặt không có chi tiết công nợ không có căn cứ. Về sự việc:

Thứ nhất: Khối lượng thực tế thi công đã được nghiệm thu từ Chủ đầu tư, căn cứ khoản mục 9.1 và 9.2 điều 9 của hợp đồng về cách tính đơn giá theo m² diện tích sàn bê tông cốt thép. Hiện tại, đơn vị đã tính toán và tổng hợp toàn bộ khối lượng căn cứ theo hợp đồng: Giá trị thực hiện bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng: 50,013,297,649 đồng;

Thứ hai: Giấy xác theo đơn khởi kiện: 1,984,200,000 đồng không có xác nhận thống nhất của đại diện hai bên (Nguyên đơn đã cung cấp được Văn bản các khoản phạt từ Chủ đầu tư). Tuy nhiên, chưa có đại diện các bên thống nhất sự việc là khách quan chủ quan. Mọi việc phát sinh khác nội dung và không có chữ ký xác nhận của Công ty X là không có giá trị pháp lý. Căn cứ Pháp luật Xây dựng về Hồ sơ thanh quyết toán (Điều 21 Nghị định 48/2010/NĐ- CP) quy định phải có:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu.

Ngoài ra, pháp luật có quy định: “Đối với những khối lượng công việc phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký phải được các bên tham gia hợp đồng thống nhất để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện”.

Về yêu cầu phản tố:

Đề nghị Chi nhánh công trình V3 thanh toán cho bị đơn số tiền 3,416,890,051 (ba tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, tám trăm chín mươi ngàn, không trăm năm mươi một) đồng.

+ 170 tấn thép hiện tại còn tồn đọng lưu kho công trường: $170 \text{ tấn} \times 16,000,000 = 2,720,000,000$ đồng.

+ Tiền thuế VAT: 2,355,005,752 (hai tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, không trăm, không năm ngàn, bảy trăm năm mươi hai) đồng.

Tổng cộng: $(1+2+3) = 8,491,895,803$ đồng.

(tám tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm linh ba) đồng.

Minh chứng kèm các tài liệu liên quan:

Theo biên bản xác nhận đã làm sai lệch hợp đồng cụ thể căn cứ khoản mục 9.1 và 9.2 điều 9 của hợp đồng về cách tính đơn giá theo m^2 diện tích sàn bê tông cốt thép; không tính đúng tính đủ dẫn đến không đáp ứng các chi phí trên công trường công trình bị gián đoạn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ của dự án (kèm theo bảng chiết tính).

Từ các nội dung như trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là vô căn cứ không có cơ sở chính xác, các chứng cứ chứng minh; Căn cứ theo hợp đồng cho yêu cầu khởi kiện đòi tiền thanh toán là không phù hợp với khối lượng, phạm vi, nội dung của hợp đồng và đúng quy định của Pháp luật xây dựng, yêu cầu khởi kiện phải được thực hiện trước một bước; Đối trừ công nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là sai tính nguyên tắc, thiếu tính chuyên nghiệp, không thể chấp nhận. Công ty X kính đề nghị Q Tòa án xem xét, bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật. Buộc nguyên đơn phải thanh toán số tiền còn lại và bồi thường thiệt hại cho bị đơn.

Công ty X xin cam đoan những lời trình bày trên là đúng sự thật và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời trình bày này.

****Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đ trình bày :***

- Về quan hệ giữa Chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Đ và Nhà thầu thi công - Tổng Công ty Cổ phần C2:

+ Công ty Cổ phần Đ và Tổng Công ty Cổ phần C2 có ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 2023/02/16/TN-VCC ngày 24/02/2023 và các Phụ lục đính kèm (sau đây gọi chung là “Hợp đồng thi công 2023”), trong đó Công ty Đ (là chủ đầu tư Dự án Đô thị sinh thái văn hóa Cà phê S tọa lạc tại đường N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk) thuê Công ty V4 làm đơn vị thầu để thi công, xây dựng một số nhà ở tại Dự án.

+ Trong quá trình thi công Công trình, Nhà thầu là V1 (nhân sự/nhân công của Công ty V4) đã vi phạm các quy định về an toàn lao động, chất lượng thi công tại công trình. Theo đó, căn cứ theo Điều 12.2 [về nghĩa vụ của Nhà thầu] và Điều 22 [về bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng] của Hợp đồng thi công 2023 (kèm Danh mục phạt vi phạm đính kèm Hợp đồng), Công ty Đ đã tiến hành lập biên bản vi phạm, ghi nhận mức phạt tương ứng và tiến hành xử phạt liên quan đến các vi phạm an toàn lao động, chất lượng thi công trên công trường (theo Công văn số 178/2023/CV-ĐTTN ngày 17/08/2023 và Công văn 07/2023/CV-ĐTTN/BQLCTXD ngày 07/12/2023) và việc chịu phạt vi phạm này là trách nhiệm của nhà thầu – Công ty V4 theo Hợp đồng thi công 2023 ký với Công ty Đ. Tính đến thời điểm 11/08/2023, tổng số tiền phạt là 380.600.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), Công ty Đ đã căn trừ số tiền này vào tiền thanh toán giá trị thi công của Hợp đồng thi công 2023 khi thanh toán giá trị thi công cho Công ty V4 (trừ vào đợt thanh toán ngày 22/12/2023).

Ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Tổng Công ty Cổ phần C2 trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng thi công” với bị đơn Công ty X:

Công ty V4 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty X thanh toán cho Công ty V4 số tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 1.984.200.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng), đây là quan hệ tranh chấp dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn theo Hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC ký giữa Công ty V4 và Công ty X không liên quan đến Công ty Cổ phần Đ. Việc tranh chấp này giữa hai bên sẽ được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật nên Công ty Cổ phần Đ không có ý kiến.

Đồng thời bằng văn bản này, Công ty Cổ phần Đ đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp, hòa giải, giao nộp công khai chứng cứ và xét xử liên quan đến yêu cầu khởi kiện nêu trên theo Thông báo thụ lý số 205/2024/TB-TLVA ngày 20/11/2024.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên trình bày và ý kiến của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ.

Bị đơn vắng mặt.

Không có sự tham gia của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 vì Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ (Có văn bản từ chối không tham gia phiên tòa của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12).

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thi công xây dựng công trình nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”. Hiện nay bị đơn có trụ sở hoạt động tại Quận A nên căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tới tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Công ty cổ phần Đ tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tới làm việc nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở để xác định:

Giữa Tổng Công ty cổ phần C2 (có đại diện theo ủy quyền ký hợp đồng là Chi nhánh Công trình V3) (sau đây gọi tắt là Công ty V4 - VCC) và Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là Công ty X) có ký với nhau Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC ngày 26/02/2023 và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC-PL01 ngày 15/3/2023. Theo đó, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng gói thầu Lập biện pháp thi công và Thi công xây dựng đại trà nhà ở liên kế Tesla và C thuộc Dự án: Đô thị sinh thái văn hóa cà phê S tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đây là hợp đồng được ký kết giữa hai pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ trong lĩnh vực xây dựng, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý ràng buộc theo quy

định tại các Điều 3, 385, 402 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 3 Luật Thương mại năm 2005.

Hợp đồng có quy định rõ nghĩa vụ của nhà thầu thi công là phải đảm bảo tiến độ, nhân sự thi công, chất lượng và an toàn lao động. Hai bên cũng có các thỏa thuận cụ thể về các chế tài trong trường hợp vi phạm hợp đồng, bao gồm cả việc xử lý vi phạm về tiến độ và phạt vi phạm hợp đồng. Như vậy tiến độ thi công, nhân lực huy động, tiêu chuẩn chất lượng thi công và an toàn lao động là nghĩa vụ bắt buộc của nhà thầu thi công tức là bị đơn, đây được xem là điều kiện cơ bản để đảm bảo tiến độ tổng thể của dự án, cũng như quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư.

Thỏa thuận về khối lượng và phạm vi công việc tại Điều 5 của Hợp đồng như sau:

Bên B (tức Công ty X) sẽ khởi công, thực hiện thi công và hoàn thành các công việc thuộc gói thầu lập biện pháp thi công và Thi công xây dựng đại trà nhà ở liên kế Tesla và C, số lượng 35 căn (thuộc Block T & Cantata 01) thuộc Dự án đô thị Sinh thái Văn hóa cà phê S (i) theo đúng (chất lượng thi công xây dựng) tại Khoản 1.27 của Hợp đồng (ii) theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt và phát hành, trên cơ sở giá hợp đồng theo Điều 9 (giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán). Công việc sẽ được thực hiện phù hợp với các yêu cầu của Hợp đồng và đáp ứng các yêu cầu của Bên A một cách hợp lý...

Điều 8 của hợp đồng quy định về thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng:

Ngày khởi công là ngày 13/02/2023.

Tổng thời gian thực hiện hợp đồng (thời gian thi công đủ điều kiện nghiệm thu, bàn giao) cho 35 căn (tesla 02 & Cantata 01): 480 ngày làm việc cho toàn bộ công việc theo phạm vi công việc hợp đồng.

Đối với các căn T2 và căn Cantata theo danh sách đính kèm (tổng cộng 16 căn), thời gian thực hiện hợp đồng (thời gian thi công đủ điều kiện nghiệm thu, bàn giao) là 195 ngày làm việc, kể từ ngày khởi công...

Tổng giá trị của hợp đồng là: 57.185.880.794 đồng.

Sau đó hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng để điều chỉnh hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC-PL01 (đính kèm Hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC). Theo đó hai bên thống nhất giá trị hợp đồng trước điều chỉnh là 57.185.880.794 đồng; Giá trị giảm trừ là: 13.380.368.716 đồng.

Giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh là 43.805.512.078 đồng (chưa bao gồm thuế).

Tổng số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn tới ngày 01/7/2024 là 24.465.307.508 đồng.

Số tiền mà nguyên đơn tạm ứng cho bị đơn là 6.570.826.812 đồng;

Tổng cộng số tiền nguyên đơn vừa tạm ứng vừa thanh toán cho bị đơn là 31.036.134.320 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn đã liên tục vi phạm nghĩa vụ hợp đồng như: Không đảm bảo tiến độ thi công theo cam kết; Không cung cấp đủ nhân sự thi công theo cam kết tại phụ lục hợp đồng; Vi phạm các quy định về an toàn lao động và chất lượng thi công. Cụ thể các hành vi vi phạm này được xác lập rõ ràng qua hệ thống biên bản hiện trường được lập định kỳ như sau:

- Theo Biên bản hiện trường số 26 ngày 01/6/2023 lập tại khu vực Block T 02 & L thì bị đơn vi phạm: khu Can 01: Không có nhân công; Khu tes 02: Không có công nhân; Kết luận: Nhà thầu không thực hiện đúng cam kết. Có chữ ký của Đại diện Ban Chỉ huy công trường và Đại diện đơn vị thi công ký vào biên bản.

- Theo Biên bản hiện trường số 27 ngày 02/6/2023 vào lúc 08 giờ 00 phút tại khu vực Block T 02 & L thì bị đơn vi phạm:

Khu C: 19 công nhân.

Khu tes 02: 25 công nhân.

Số lượng công nhân không đảm bảo theo cam kết kế hoạch tuần. Ban chấp hành của VCC yêu cầu nhà thầu tăng nhân lực theo cam kết trong tiến độ, tăng ca, tăng thiết bị để lấy lại tiến độ đã trễ. Có chữ ký của Đại diện Ban Chỉ huy công trường và Đại diện đơn vị thi công ký vào biên bản.

- Theo Biên bản hiện trường số 28: vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 03/6/2023 2023 lập tại khu vực Block T 02 & L thì bị đơn vi phạm: Khu Can 01 có 31 công nhân. Khu T có 27 công nhân.

Kết luận: Số lượng công nhân không đảm bảo số lượng cam kết. Công ty V4 yêu cầu nhà thầu Trần Hoàng C1 tăng nhân lực, tăng ca, tăng thiết bị để lấy lại tiến độ đã trễ. Có chữ ký của Đại diện Ban Chỉ huy công trường và Đại diện đơn vị thi công ký vào biên bản.

- Theo Biên bản hiện trường số 29 vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 05/6/2023 lập tại khu vực Block T 02 & Lantata 01 cũng lập biên bản vì số lượng công nhân không đảm bảo số lượng cam kết, thiếu thiết bị cốp pha, bê tông vường...nên chậm cấp bê tông. Ban Chấp hành của VCC yêu cầu nhà thầu Trần Hoàng C1 tăng nhân lực, tăng ca, tăng thiết bị để lấy lại tiến độ. Có chữ ký của Đại diện Ban Chỉ huy công trường và Đại diện đơn vị thi công ký vào biên bản.

- Theo Biên bản hiện trường số 30 ngày 06/6/2023, biên bản hiện trường số 31 ngày 08/6/2023 và số 32 ngày 09/6/2023 lập tại khu vực Block T 02 & Lantata 01 lập biên bản với nội dung: Số lượng công nhân không bảo đảm, thiếu vật tư... Có chữ ký của Đại diện Ban Chỉ huy công trường và Đại diện đơn vị thi công ký vào biên bản.

Sau khi có các biên bản trên thì ngày 09/6/2023 Tổng Công ty cổ phần C2 – Chi nhánh công trình V3 có ban hành Công văn số 09062301/QĐ-CNCTVT.HCM có ban hành Quyết định Về xử lý sai phạm công trường. Trong Quyết định có nêu về lỗi vi phạm của nhà thầu là Công ty TNHH X. Điều 2 của Quyết định yêu cầu Công ty TNHH X có trách nhiệm nộp phạt 100.000.000 đồng. Quyết định này đã giao cho bên Công ty X nhưng không có phản hồi.

Vi phạm tiếp theo: Tại Biên bản họp ngày 31/5/2023 có sự tham dự của đại diện nhà thầu chính là Tổng Công ty cổ phần C2 và đại diện bên nhà thầu phụ là Công ty X. Nội dung cuộc họp nêu về tiến độ thi công thì hiện tại đang rất chậm so với tiến độ hợp đồng VCC ký với T. Nhà thầu là Công ty X cam kết duy trì quân số công nhân bảo đảm theo kế hoạch lấy lại tiến độ các căn bị trễ và kế hoạch tuần cho 16 căn ưu tiên. Ban Chấp hành VCC sẽ đánh giá tiến độ hàng tuần và hai mốc quan trọng trong ngày 15/6/2023 và ngày 30/6/2023. Có thỏa thuận về bên Trần Hoàng C1 phải thực hiện đúng bảng kế hoạch đệ trình tiến độ mới để lấy lại tiến độ các căn bị trễ đã cam kết với VCC, các mốc thời gian để bắt kịp tiến độ cho từng khu. Ngoài ra còn quy định về công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường như công tác an toàn điện; bảo hộ lao động ... Sau khi có Biên bản họp này thì theo các Biên bản hiện trường số 33 ngày 10/6/2023, số 34 ngày 11/6/2023 bên Trần Hoàng C1 đã vi phạm các vấn đề sau: Số lượng nhân công không đảm bảo cam kết, thiếu vật tư thiết bị... Do đó, ngày 12/6/2023 Chi nhánh công trình V3 thuộc Tổng Công ty cổ phần C2 có Quyết định số 12062301/QĐ-CNCTVT.HCM về việc áp dụng hình thức xử lý sai phạm đối với nhà thầu là Công ty TNHH X và yêu cầu nhà thầu phải có trách nhiệm nộp phạt số tiền 100.000.000 đồng. Quyết định này cũng đã giao cho bị đơn.

Vi phạm tiếp theo: Tại Công văn số 201201/CV-CNCTHCM ngày 20/12/2023 của Chi nhánh công trình V3 thuộc Tổng Công ty cổ phần C2 gửi Công ty X thì nguyên đơn căn cứ vào công văn số 178/2023/CV-ĐTTN ngày 17/8/2023 do Công ty cổ phần Đ ban hành về việc đề nghị thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo tiến độ thi công của dự án gửi cho nguyên đơn. Theo Công văn số 178 thì chủ đầu tư đã có văn bản số 29/2023/CV-TTTN nhắc nhở lần 1 yêu cầu Tổng Công ty cổ phần C2 thực hiện các biện pháp để triển khai dự án đảm bảo tiến độ thi công xây dựng và vấn đề pháp lý liên quan. Nay chủ đầu tư thông báo lần 2 đến nhà thầu yêu cầu nhà thầu cần phải thi công khẩn trương nghiêm túc chấn

chỉnh lại toàn bộ công tác nhân sự, công tác tổ chức thi công và công tác quản lý các nhà thầu phụ tham gia thực hiện dự án... Theo Công văn số 201201 thì Nguyên đơn thông báo đến bị đơn về việc: Phạt vi phạm an toàn lao động, chất lượng thi công xây dựng theo các biên bản làm việc ghi nhận thực tế tại công trường. Số tiền phạt là 380.600.000 đồng. Kèm theo công văn là các Biên bản vi phạm lập tại hiện trường có chữ ký của các bên. Công văn số 201201/CV-CNCTHCM ngày 20/12/2023 cũng đã được giao cho bên bị đơn .

Vi phạm tiếp theo: Tại Công văn số 190501/CNCTHCM-XD ngày 19/5/2024 của nguyên đơn về việc đề nghị Công ty X hoàn thành bàn giao nhà theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC. Theo nội dung công văn thì Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 23/3/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn; Căn cứ vào cam kết thi công bàn giao toàn bộ công trình vào ngày 30/4/2024 của bị đơn; Căn cứ biên bản họp ngày 17/4/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn; Căn cứ vào Biên bản danh mục vi phạm chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và căn cứ vào tình hình thực tế thi công tại công trường. Do bị đơn không thực hiện theo đúng các cam kết, biên bản họp giữa hai bên làm ảnh hưởng tới tiến độ thi công và kế hoạch bàn giao nhà thầu cho đơn vị chủ đầu tư..cùng các nội dung khác. Tại mục 4 Phạt vi phạm an toàn, chất lượng thi: trong quá trình thực hiện hợp đồng thi công thì nguyên đơn nhận được 163 biên bản hiện trường được lập từ đơn vị tư vấn giám sát Nagecco về việc vi phạm tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Ban Q1 đã có văn bản phạt đến Chi nhánh V3. Nhưng bên Chi nhánh V3 nhận thấy việc đảm bảo an toàn, chất lượng công trình của phía bị đơn chưa đảm bảo. Danh mục vi phạm từ biên bản hiện trường từ số 97 đến 118 với tổng giá trị là 132.700.000đồng; Danh mục vi phạm từ biên bản hiện trường số 119-163 là 865.900.000 đồng. Tổng cộng là 998.600.000 đồng. Kèm theo công văn là Danh mục phạt chi tiết của nguyên đơn và các biên bản hiện trường lập bị đơn vi phạm có chữ ký của các bên. Công văn này nguyên đơn cũng đã giao cho bị đơn.

Vi phạm theo Công văn số 041001/QĐ-CNCTVT.HCM ngày 04/10/2024 của nguyên đơn, nội dung công văn cũng căn cứ vào các biên bản hiện trường được lập vào các ngày 27/3/2023, 01/4/2023, 04/5/2023, 13/6/2023, 01/7/2023, 03/8/2023, 04/9/2023, 08/9/2023, 30/9/2023, 18/4/2024, 24/4/2024 thì các vi phạm của Công ty X phải chịu là 405.000.000 (bốn trăm linh năm triệu) đồng.

Tất cả các tài liệu này đều thể hiện rõ trách nhiệm thuộc về bị đơn và việc vi phạm này đã ảnh hưởng trực tiếp đến nghĩa vụ của nguyên đơn với chủ đầu tư, làm chậm trễ tiến độ tổng thể, gây thiệt hại về uy tín, tài chính và khả năng tiếp tục thực hiện triển khai dự án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, nghĩa vụ tài chính và hợp đồng của nguyên đơn với bên thứ 3.

Việc nguyên đơn nhiều lần gửi văn bản yêu cầu bị đơn khắc phục, thậm chí đưa ra cam kết thời hạn cuối cùng (30/4/2024) nhưng bị đơn vẫn không khắc phục dứt điểm, cho thấy ý thức không thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn đã chứng minh được mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi vi phạm và thiệt hại xảy ra, đúng theo quy định tại Điều 419, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tất cả các công văn nêu lý do phạt nêu trên nguyên đơn đã đều giao cho bị đơn và bị đơn đều đã nhận được nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi. Việc phạt vi phạm của nguyên đơn đều căn cứ vào các Biên bản hiện trường vi phạm mà các bên thực hiện hợp đồng lập, có ký xác nhận của các bên tại thời điểm vi phạm tại công trường. Những hành vi vi phạm này không bắt nguồn từ sự kiện bất khả kháng mà phát sinh do lỗi chủ quan trong việc điều hành thi công, quản lý nhân sự và tổ chức thi công của bị đơn. Việc vi phạm này đã gây ra hậu quả trực tiếp như làm gián đoạn tiến độ tổng thể của dự án do nguyên đơn làm tổng thầu; khiến nguyên đơn phải làm việc với chủ đầu tư nhiều lần để giải trình đối mặt với nguy cơ bị phạt hợp đồng từ chủ đầu tư và thực tế đã bị chủ đầu tư là Công ty Đ phạt. Do đó gây thiệt hại về tài chính do phải sử dụng nguồn nhân lực khác để xử lý tình huống chậm tiến độ và chất lượng thi công thấp.

Theo điểm h Khoản 12.2 Điều 12 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình thì Bên B (Công ty X) phải chịu trách nhiệm trước bên A (Công ty cổ phần V4) và trước pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận, bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, ô nhiễm môi trường và các hành vi gây thiệt hại.

Tại điểm p khoản 12.2 Điều 12 của Hợp đồng có quy định về nghĩa vụ của bị đơn (bên B) là bên B tự tổ chức quản lý vật liệu, thiết bị của bên B, nhân lực thi công tại công trường.

Như vậy, căn cứ vào điểm m khoản 12.2 Điều 12 của Hợp đồng có quy định: Bên B phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của bên A trong khoảng thời gian 07 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà bên B không trả lời thì được coi là bên B đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của bên A (tức nguyên đơn). Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận của các bên. Nguyên đơn đã chứng minh nguyên đơn gửi các Quyết định yêu cầu phạt vi phạm cho bị đơn bằng các phiếu bưu điện chuyển phát đi và có ký nhận của bị đơn. Nhưng bị đơn không trả lời nguyên đơn, bị đơn không thực hiện phản hồi hoặc có ý kiến về việc phạt vi phạm của nguyên đơn là đương nhiên chấp nhận với yêu cầu phạt vi phạm của nguyên đơn như hai bên đã thỏa thuận.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, đại diện bị đơn cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chính xác, không có chứng cứ chứng minh vì theo biên bản xác nhận đã làm sai lệch hợp đồng cụ thể căn cứ vào khoản mục 9.1 và 9.2 Điều 9 của Hợp đồng về cách tính đơn giá theo m² diện tích sàn bê tông cốt thép >, không tính đúng đủ dẫn đến không đáp ứng các chi phí trên công trường nên công trình bị gián đoạn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ của dự án. Tuy nhiên, ngoài lời khai trên thì bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình.

Ngoài ra, các bên có thỏa thuận rõ về việc nếu bị đơn vi phạm thì phải bồi thường, số tiền bồi thường được tính cụ thể đối với từng hành vi vi phạm nếu bên bị đơn vi phạm tại tờ Dự án: Đô thị sinh thái văn hóa cà phê S. Danh mục các vi phạm hướng dẫn an toàn (Áp dụng cho các nhà thầu thi công xây dựng và đơn vị tư vấn giám sát), có xác nhận ký của hai bên nguyên đơn và bị đơn. Ngoài việc quy định về vấn đề phản hồi văn bản phạt vi phạm thì trong các Biên bản hiện trường do nguyên đơn lập ghi nhận sự vi phạm của bên bị đơn, có chữ ký xác nhận của các bên.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 302 về Bồi thường thiệt hại của Luật Thương mại năm 2005 thì bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng phải chịu trách nhiệm dân sự và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ hành vi vi phạm, kể cả lợi ích mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có sự vi phạm. Đồng thời theo Điều 419 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp vi phạm hợp đồng phải căn cứ trên nguyên tắc: Có hành vi vi phạm, có thiệt hại thực tế, có mối quan hệ nhân quả và không có căn cứ loại trừ trách nhiệm. Nên yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ pháp luật, phù hợp với mức độ thiệt hại, tương xứng với hậu quả của hành vi vi phạm và đúng quy định về trách nhiệm bồi thường trong lĩnh vực kinh doanh – thương mại. Cần buộc bị đơn phải bồi thường tiền phạt do vi phạm hợp đồng hai bên đã ký với số tiền là 1.984.200.000 (một tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, hai trăm nghìn) đồng cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

[3.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn gửi cho Tòa án:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn có làm đơn yêu cầu phản tố gửi Tòa án nhưng Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng bị đơn đã không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Do đó, Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp kinh doanh thương mại là 76.526.000 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi nộp đơn khởi kiện.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, 4, 11, 24, 292, 302 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 385, 401, 419, 429 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH X phải bồi thường cho Tổng Công ty cổ phần C2 số tiền 1.984.200.000 (một tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, hai trăm nghìn) đồng do vi phạm Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC ngày 26/02/2023 và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC-PL01 ngày 15/3/2023 do hai bên ký kết. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa giao trả hết số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn số tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại là 76.526.000 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho Tổng Công ty cổ phần C2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện là 35.763.000 (ba mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049476 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quận 12, ngày 18 tháng 6 năm 2025.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 45 phút ngày 18 tháng 6 năm 2025.

Tại Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu H.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị N.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T3.

Tiến hành nghị án vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số lý số 205/2025/TLST – KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Tổng Công ty cổ phần C2.**

Địa chỉ: Số A G, phường K, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Duy P, Chức vụ: Giám đốc chi nhánh V3 – Tổng Công ty cổ phần C2.

Địa chỉ chi nhánh: 1 T, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt).

2. Bị đơn: **Công ty TNHH X.**

Địa chỉ trụ sở: 200/20/17 Nguyễn Thị B, Khu phố D, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Sỹ O**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: F P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần Đ.**

Địa chỉ: 8 B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Lê Nguyên V.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Hà G.

(Có đơn xin vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: biểu quyết 3/3 đồng ý quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 đồng ý áp dụng các quy định sau để quyết định giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 3, 4, 11, 24, 292, 302 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 385, 401, 419, 429 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

*Về nội dung quyết định: biểu quyết 3/3 đồng ý:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH X phải bồi thường cho Tổng Công ty cổ phần C2 số tiền 1.984.200.000 (một tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, hai trăm nghìn) đồng do vi phạm Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC ngày 26/02/2023 và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 260201-XD/HĐXL-2023/HCM-THC-PL01 ngày 15/3/2023 do hai bên ký kết. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa giao trả hết số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn số tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại là 76.526.000 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho Tổng Công ty cổ phần C2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện là 35.763.000 (ba mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049476 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 18 tháng 5 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu H